TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **363**/2023/DS-PT
Ngày: 27/11/2023.
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huờn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Phương và bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thê - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 281/2023/TLPT-DS ngày 06/10/2023, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 322/2023/QĐ-PT, ngày 01/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 264/2023/QĐ-PT ngày 15/11/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Trần Minh L, vắng mặt; ông Trần Minh T, có mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 23/3/2023).

Cùng địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bảo U, sinh năm 1984, có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà U: Bà Trần Thị Bích T1, có mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2023).

Địa chỉ: Tổ L, buôn A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phùng Thị T2, có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bảo U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/3/2023 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Lệ H trình bày: Ngày 11/10/2022, bà Nguyễn Thị Bảo U vay bà 400.000.000đ; lãi suất cho vay 1.000đ/01 triệu đồng/ngày; Thời hạn vay từ 07 đến 10 ngày; Đến ngày 20/10/2022, bà U trả cho bà 200.000.000đ tiền nợ gốc đã vay

ngày 11/10/2022 và vay thêm 500.000.000đ; lãi suất cho vay và thời hạn vay, cũng như lần đầu; tổng cộng bà U vay của bà 700.000.000đ; Cả 02 lần bà U vay tiền của bà, đều có bà Phùng Thị T2 đi cùng với bà U nhưng bà U là người vay tiền của bà, nhận tiền vay từ bà và ký vào giấy vay tiền; Đến hạn trả nợ, mặc dù bà đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà U không trả cho bà khoản tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà U phải trả cho bà 700.000.000đ tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Bảo U trình bày: Ngày 11/10/2022, bà cùng với bà Phùng Thị T2 đến nhà bà Trần Thị Lệ H vay chung số tiền 400.000.000đ nhưng chỉ mình bà ký vào giấy vay tiền; về thời hạn vay và lãi suất cho vay, đúng như bà H đã trình bày; Ngày 20/11/2022, bà cùng với bà T2 mang 200.000.000đ đến trả cho bà H và vay thêm bà H 500.000.000đ; bà T2 là người viết vào giấy vay tiền ngày 11/10/2022 với nội dung: Ngày 20/11/2022, trả 200.000.000đ và vay 500.000.000đ; Việc bà H khởi kiện, bà chỉ đồng ý trả nợ cho bà H 350.000.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi; khoản tiền nợ gốc và tiền lãi còn lại, bà T2 có trách nhiệm trả nợ cho bà H.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phùng Thị T2 trình bày: Ngày 11/10/2022 và ngày 20/10/2022, bà cùng với bà Nguyễn Thị Bảo U, đến nhà bà Trần Thị Lệ H vay tiền của bà H 02 lần, tổng số tiền vay 700.000.000đ, đúng như bà U đã trình bày; Bà và bà U sử dụng tiền vay bà H kinh doanh chung và bị thua lỗ, nên không có tiền trả nợ tiền vay bà H.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã căn cứ: Các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị Quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ H.

Buộc bà Nguyễn Thị Bảo U có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Lệ H số tiền vay gốc là 700.000.000 đồng và 142.282.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 842.282.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/8/2023, bị đơn là bà Nguyễn Thị Bảo U có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND tỉnh Đăk Lăk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị Bảo U, VKSND tỉnh Đăk Lăk xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì ngày 11/10/2012, bà Nguyễn Thị Bảo U vay bà Trần Thị Lệ H 400.000.000đ; bà U là người ký và viết giấy vay tiền ngày 11/10/2022; đến ngày 20/10/2022, bà U trả cho bà H 200.000.000đ tiền nợ gốc đã vay ngày 10/10/2022 và vay thêm bà H 500.000.000đ; bà Phùng Thị T2 đi cùng với bà U đến nhà bà H, đã viết vào giấy vay tiền ngày

11/10/2022 với nội dung: Trả 200.000.000đ và vay 500.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoản tiền vay nêu trên, chỉ mình bà U vay bà H và buộc bà U phải trả cho bà H 700.000.000đ tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà U, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút kháng cáo; Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn, nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị Bảo U, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, thì ngày 11/10/2022, bà U và bà T2 đến nhà bà Trần Thị Lệ H và vay bà H 400.000.000đ; bà U là người viết giấy vay tiền và ký vào giấy vay tiền; bà H là người giữ giấy vay tiền ngày 11/10/2022; đến ngày 20/10/2022, bà U và bà T2 đến nhà H, trả cho bà H 200.000.000đ tiền nợ gốc đã vay và vay thêm bà H 500.000.000đ; bà T2 là người viết nội dung trả nợ 200.000.000đ và vay thêm 500.000.000đ vào giấy vay tiền ngày 11/10/2022.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bà U và bà T2 thừa nhận còn nợ chung bà H 700.000.000đ tiền nợ gốc đã vay nhưng bà H cho rằng khoản tiền nợ nêu trên là nợ riêng của bà U; Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoản tiền nợ nêu trên là nợ riêng của bà U, là chưa xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ vụ án. Bởi lẽ, sau khi bà U và bà T2 đến nhà H vay 400.000.000đ vào ngày 11/10/2022; bà H là người giữ giấy vay tiền; đến ngày 20/10/2022, bà U và bà T2 mang theo 200.000.000đ đến nhà bà H trả cho bà H và vay thêm bà H 500.000.000đ; nếu bà T2 và bà H không vay chung khoản tiền nêu trên, thì không có lý do gì bà H đưa giấy vay tiền ngày 11/10/2022, để bà T2 ghi thêm nội dung: Ngày 20/10/2022, trả 200.000.000đ và vay 500.000.000đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà U, đối với khoản tiền vay nêu trên, là nợ chung của bà U và bà T2 đối với bà H, cần sửa Bản án sơ thẩm và tuyên buộc bà T2 và bà U phải liên đới trả cho bà H 700.000.000đ tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi.

[3] Về án phí: Do sửa Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm, xác định lại nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm, đối với bà U và bà T2. Bà U không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị Bảo U; Sửa Bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ H.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Bảo U và bà Phùng Thị T2, phải liên đới trả cho bà Trần Thị Lệ H 700.000.000 đồng tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 142.282.000 đồng. Tổng cộng là 842.282.000 đồng, chia theo phần: Bà U và bà T2, mỗi người phải trả cho bà H 421.141.000đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ H về việc: Buộc bà Nguyễn Thị Bảo U phải trả cho bà H 700.000.000đ tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bảo U và bà Phùng Thị T2, mỗi người phải chịu 20.845.600đ tiền án phí dân sự sơ thẩm; Bà U không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà U đã nộp tại biên lai số: 0017725 ngày 14/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, được khấu trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm mà bà U phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Huờn